TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: 07/2020/DS - PT
- Ngày 10 tháng 02 năm 2020
- V/v "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2019/TLPT- DS ngày 19 tháng12 năm 2019 về tranh chấp nghĩa vụ trả tiền.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 62/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐ - PT ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: (nhà không có số) Thuộc ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: (nhà không có số) Thuộc ấp K, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Văn D, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: (nhà không có số) Thuộc ấp K, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bạc Liêu.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày nội dung như sau: Giữa bà T và ông D (chồng bà X) có mối quan hệ bà con chú bác với nhau. Vào năm 2008 ông Võ Văn

D và bà Trần Thị X cầm cố cho bà một phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 10 công tầm cấy với giá 07 lượng vàng 24K, bà đã giao đủ số vàng trên cho vợ chồng ông D bà X, việc giao dịch này hai bên có làm giấy tay với nhau. Sau khi cầm cố đất bà không sử dụng mà cho vợ chồng bà X và ông D thuê lại với giá mỗi năm 01 lượng vàng 24k. Vợ chồng ông D, bà X canh tác được 01 năm thì chuyển nhượng phần đất này cho người khác và có trả cho bà được một phần là 4,2 lượng vàng 24k, còn nợ lại 2,8 lượng vàng 24k. Lúc bà X và ông D chuyển nhượng đất thì bà có thống nhất là trường hợp trả đủ số vàng còn thiếu thì đồng ý quy ra thành tiền là 75.600.000 đồng, trường hợp không trả được một lần thì phải trả lại toàn bộ số vàng cho bà như thỏa Tận ban đầu. Do ông D và bà X không trả trả tiền được tại thời điểm sang đất nên nay bà yêu cầu bà X và ông D có nghĩa vụ trả toàn bộ số vàng còn thiếu là 2,8 lượng vàng 24k, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2019 và tại phiên tòa bà Trần Thị X trình bày như sau: Vào khoảng năm 2008 giữa vợ chồng bà có cầm cố đất cho bà T một phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 10 công tầm cấy với giá là 07 lượng vàng 24K. Sau khi cố đất thì có Tê lại để canh tác với giá mỗi năm 01 lượng vàng 24k, ông bà canh tác được khoảng 02 tháng thì chuyển nhượng toàn bộ phần đất này cho người khác và có sự đồng ý của bà T. Sau khi bán đất vợ chồng bà có trả cho bà T được 4,2 lượng vàng 24k, còn thiếu lại là 2,8 lượng vàng 24k. Lúc này giữa bà và bà T đồng ý quy 2,8 lượng vàng 24k ra thành tiền là 75.600.000 đồng, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên từ năm 2009 cho đến nay bà chưa trả số tiền trên cho bà T. Nay bà đồng ý trả số tiền 75.600.000 đồng cho bà T, không đồng ý trả 2,8 lượng vàng 24k theo yêu cầu của bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2019 và tại biên bản hòa giải ngày 22/10/2019 ông Võ Văn D trình bày: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của vợ ông là bà Trần Thị X, ngoài ra không có ý kiến gì khác. Tuy nhiên ông thấy rằng số tiền nợ quá lâu nên tự nguyện trả thêm khoản lãi là 10.000.000 đồng, tổng số tiền là 85.600.000 đồng cho bà Võ Thị T.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với bà Trần Thị X và ông Võ Văn D.

Buộc bà Trần Thị X và ông Võ Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị T 2,8 lượng vàng 24K, (loại vàng đang lưu hành trên thị trường).

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị X và ông Võ Văn D phải nộp 5.993.400 đồng. Bà Võ Thị T được nhận lại số tiền dự nộp án phí 2.982.000 đồng. Các đương sự nhận và nộp án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về điều luật thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc yêu cầu ông trả cho bà T 28 chỉ vàng 24K mà

chỉ đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông D giữ nguyên kháng cáo.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua xem xét kháng cáo của ông Võ Văn D thì thể hiện các bên thừa nhận bà X và ông D còn nợ bà T 2,8 lượng vàng 24k . Việc ông D kháng cáo xác định số vàng này đã quy ra bằng tiền là 75.000.000đ, nhưng bà T không thừa nhận, ông D và bà X không có chứng cứ gì chứng minh. Nên đề nghị HĐXX bác yêu cầu kháng cáo của ông D, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà T, bà X và ông D thống nhất vào năm 2008 các bên có thực hiện hợp đồng cầm cố đất với nhau, bà T đã giao đủ số vàng cho bà X và ông D. Đến năm 2009 vợ chồng bà X và ông D chuyển nhượng toàn bộ phần đất này cho người khác, việc chuyển nhượng có sự đồng ý của bà T. Sau khi chuyển nhượng bà X có trả cho bà T được 4,2 lượng vàng 24k và còn nợ là 2,8 lượng vàng 24K nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[2] Xét kháng cáo của ông Võ Văn D không đồng ý trả cho bà T 28 chỉ vàng 24K mà chỉ đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Ông D và bà X xác định vào năm 2009 các bên có thỏa Tận quy đổi 2,8 lượng vàng 24k thành số tiền 75.600.000 đồng, tuy nhiên nguyên đơn bà Võ Thị T không thừa nhận mà xác định chỉ đồng ý quy đổi thành số tiền 75.600.000 đồng nếu ông D, bà X trả đủ số tiền trên tại thời điểm bán đất nhưng do ông D, bà X không trả nên bà T yêu cầu phải trả bằng vàng. Phía ông D và bà X không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc các bên có thỏa thuận quy đổi 2,8 lượng vàng 24k thành số tiền 75.600.000 đồng nên lời trình bày của ông D và bà X là không có căn cứ.

[2.2] Khoản 1, 2 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả Tận khác.

2. Trong trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý"

Bà T và ông D, bà X đều thừa nhận việc ông Võ Văn D và bà Trần Thị X cầm cố cho bà T một phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 10 công tầm cấy với giá 07 lượng vàng 24K, bà T đã giao đủ số vàng trên cho vợ chồng ông D bà X; sau đó, các bên thông nhất chấm dứt hợp đồng cầm cố và vợ chồng ông D, bà X có nghĩa vụ trả cho bà T 07 lượng vàng 24k. Sau khi bán đất, ông D, bà X đã trả cho bà T 4,2 lượng vàng 24k, nay còn thiếu bà T 2,8 lượng vàng 24k. Xét thấy xuất phát điểm giao dịch giữa các bên có đối tượng là vàng 24k, đồng thời bà T không đồng ý việc ông D, bà X quy đổi số vàng còn thiếu bằng tiền để trả nên nay ông D, bà X phải có nghĩa vụ trả 2,8 lượng vàng 24k còn thiếu cho bà T. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà ông D về việc không đồng ý trả cho bà T 28 chỉ vàng 24K mà chỉ đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng là không có cở sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn D. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 290, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với bà Trần Thị X và ông Võ Văn D.

Buộc bà Trần Thị X và ông Võ Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị T 2,8 lượng vàng 24K.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị X và ông Võ Văn D phải nộp 5.993.400 đồng. Bà Võ Thị T được nhận lại số tiền dự nộp án phí 2.982.000 đồng. Các đương sự nhận và nộp án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ1.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn D phải chịu 300.000 đồng. Ông Võ Văn D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai T tiền số 0004030 ngày 14/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ1, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện Đ1 (01 bản);
- CCTHADS huyện Đ1 (01 bản);
- Các đương sự (14 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hùng